

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 89/2021/HS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2021

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU - TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Sơn Thị Kim Lương và bà Lê Thị Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Lê Minh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **N T T**, sinh năm 1971 tại Bạc Liêu;

Nơi cư trú: Số #, khóm #, phường #, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.; Nghề nghiệp: không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 2/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N V K (đã chết) và bà T T N (đã chết); Anh, em ruột: có 07 người; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (vắng mặt).

- Bị hại: Ông T V H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 05/9/2020, N T T đến chòi vuông của ông T V H thuộc ấp X, xã H, thành phố Bạc Liêu để mời đám giỗ. Tại đây, T và ông H nhậu với nhau, trong lúc nhậu ông H nói với T khi nào về lấy con của đem về nhà ăn, nhậu đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì nghỉ, ông H đi cho tôm ăn, T qua chòi vuông của chị Ánh (là chị em bạn dì với T) ngủ đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì thức dậy, nhớ việc ông H cho con của nên đi đến chòi vuông của ông H để lấy, khi đến thấy ông H đang cho tôm ăn gần đó, T mở ngăn tủ thần tài thấy có một sợi dây chuyền vàng, một nhẫn vàng và nhiều tờ tiền lẻ với các mệnh giá khác nhau, T liền lấy chiếc nhẫn tròn hình mặt tợ khắc chữ H, trọng lượng 02 lượng, loại vàng 24K cất giấu vào túi quần đem đến tiệm vàng Tám Tỷ, thuộc phường 3, thành phố Bạc Liêu bán được 106.000.000 đồng, rồi đi về nhà của mình. T lấy tiền phạm tội có được trả nợ cho Tèo (không xác định được nhân thân) và tiêu xài cá nhân một phần.

Khoảng 18 giờ cùng ngày ông H phát hiện mất tài sản nên đến Công an xã Hiệp Thành trình báo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 109/KL-HĐĐGTS ngày 04/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bạc Liêu xác định: 01 chiếc nhẫn tròn hình mặt tợ, khắc chữ H, vàng 24K, trọng lượng 02 lượng tính đến ngày 05/9/2020 có giá trị thành tiền là: Mua vào: 02 lượng x 53.000.000 đồng/lượng = 106.000.000 đồng; Bán ra: 02 lượng x 54.800.000 đồng/lượng = 109.600.000 đồng; Tiền công thợ bình quân là: 350.000 đồng/01 chiếc nhẫn (chỉ dành cho giá bán ra).

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKSTPBL ngày 25/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố bị cáo N T T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N T T từ 01 (một) đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại số tiền 90.180.000 đồng và không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tại đơn xin vắng mặt bị cáo xác định giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra, Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bạc Liêu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị hại vắng mặt; bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt của bị cáo và bị hại không cản trở cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo và bị hại theo quy định tại các điểm c khoản 2 Điều 290 và khoản 2 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm và đặc điểm tài sản bị

chiếm đoạt; đồng thời phù hợp với kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bạc Liêu, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vì động cơ tham lam, vụ lợi bất chính nên vào khoảng 17 giờ, ngày 05/9/2020, tại ấp X, xã H, thành phố Bạc Liêu, bị cáo N T T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 02 lượng của ông T V H có giá trị thành tiền là 109.950.000 đồng.

Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo N T T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại đã nhận lại tiền số tiền và tiền bồi thường 90.180.000 đồng. Ngoài ra, bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[7] *Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, số tiền bị cáo phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Việc truy tố và xét xử bị cáo là cần thiết để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[9] *Về nội dung khác:* Đối với chủ tiệm vàng Tám Tỷ không biết tài sản do phạm tội mà và không xác định được số vàng bị cáo đến bán tại tiệm nên không thu giữ được số vàng trên và không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Như vậy có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo N T T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo N T T 01(một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo N T T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Án xử công khai. Bị cáo, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Nhà tạm giữ Công an Tp. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS Tp. Bạc Liêu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thị Mỹ Hằng